

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/HSPT

Ngày: 05 - 4 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Văn Năm**

Các Thẩm phán:

1/ Ông **Lê Nguyên Khoa**

2/ Bà **Nguyễn Thị Tư**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Dương Thị Thu Nguyệt** – Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: ông **Phạm Văn Tâm** – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 05/2022/HSPT ngày 13/01/2022 đối với bị cáo **Bùi Thế D.** Do có kháng cáo của bị hại **Trần Văn H** đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 57/2021/HSST ngày 19/11/2021 của Tòa án nhân dân thị xã B.

Bị cáo bị kháng cáo:

Bị cáo **Bùi Thế D.**, sinh năm 1983; tại B, tỉnh Vĩnh Long; Nơi cư trú: tổ 19, ấp T, xã T1, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Bùi Vĩnh T** và bà **Nguyễn Thanh N**; vợ **Phan Thị Kiều O**, có 02 người con lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 05/11/2010 bị Tòa án nhân dân thị xã B xử phạt 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Cản trở giao thông đường bộ”.

Bị cáo đang tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

*Người bào chữa cho bị cáo **Bùi Thế D** là:* ông **Nguyễn Quyết Q** – Luật sư của Công ty luật TNHH MTV Q, chi nhánh Vĩnh Long, thuộc đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị hại: **Trần Văn H**, sinh năm 1957

Nơi cư trú: khóm Đ, phường Đ1, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ ngày 21/9/2020 sau khi đã uống rượu cùng với những người bạn tại xã T1, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long, bị cáo Bùi Thế D điều khiển xe máy hiệu Attila về nhà gia đình vợ tại ấp Đ, xã Đ1, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long. Đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày bị cáo chạy xe máy trên đường đal liên xã Đ1 – Đ khi gần đến nhà gia đình vợ thì gặp ông Trần Văn H đang chạy xe đạp điện ngang qua. Do giữa bị cáo với ông H và con của ông là anh Trần Văn V từng có mâu thuẫn, xô xát đánh nhau về việc mua bán đất vào năm 2020, nên khi gặp ông H bị cáo D nhớ lại mâu thuẫn đã xảy ra nên có chửi ông H *“thằng chó hai cha con mày lần trước đánh tao quá chùng hé”*. Ông H không trả lời mà tiếp tục chạy xe đi về hướng xã Đ1, bị cáo liền chạy xe máy đuổi theo ông trên đường đal liên xã Đ1– Đ. Khi đuổi kịp ông H thì bị cáo dùng tay đánh từ phía sau vào đầu ông H làm ông và xe đạp điện ngã xuống đường, bị cáo D và xe máy cũng ngã xuống đường phía trước xe đạp điện của ông H. Sau đó, bị cáo D và ông H cùng đứng dậy, bị cáo xông vào đánh ông H, ông H chống trả nên hai bên xô xát, đánh nhau bằng tay, chân, sau đó ông H bị té ngã xuống đường đal. Trong lúc ông H té ngã thì bị cáo nhìn thấy và lượm được con dao trên đường, bị cáo cầm dao trên tay chém về phía ông H nhiều nhất làm ông H bị thương, ông đứng dậy bỏ chạy về hướng xã Đ. Bị cáo D tiếp tục cầm dao đuổi theo ông H lúc này có ông Võ Đựng V đang ở gần đó nghe tiếng la của ông H thì chạy đến can ngăn nên bị cáo D dừng lại và ném con dao về phía ông H nhưng không trúng. Ông H nhặt lấy 01 khúc gỗ cầm trên tay để thủ thân thì bị cáo không đuổi theo ông nữa và quay lại lấy xe chạy về hướng nhà vợ.

Ông H được người thân đưa đi cấp cứu tại Trung tâm y tế thị xã B, sau đó chuyển sang Bệnh viện đa khoa Trung ương Cần Thơ tiếp tục điều trị. Còn bị cáo D chạy xe đi đến nhà anh Phan Trọng Tâm thuộc ấp Đ, xã Đ1 lấy 02 vỏ chai bia bằng thủy tinh (loại bia Sài Gòn đỏ) đến đứng trước nhà của anh V con ông H chửi. Bị cáo D chửi một lúc thì phát hiện nhà anh Việt không có người trong nhà nên bỏ đi, sau đó để lại 02 vỏ chai bia tại quán nước của ông Nhan Thanh H gần nhà anh V. Lúc này vợ bị cáo và ông Huỳnh Văn M đến chở bị cáo về nhà. Khi về đến nhà, do thấy bị cáo D có bị thương nên gia đình đưa đến Trung tâm y tế thị xã B điều trị vết thương.

Vật chứng thu giữ: 01 con dao có chiều dài 38cm, có cán dao bằng gỗ dài 13cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 25cm; 02 vỏ chai bia Sài Gòn đỏ bằng thủy tinh.

Tại bản kết luận giám định pháp y số 136/2020/TgT ngày 30/11/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Vĩnh Long, xác định: Vết thương chóp mũi 4cm, sọc trung bình; Chấn thương phần mềm hạ sườn trái điều trị hồi phục; Vết thương lòng bàn tay phải kích thước 3,5 x 0,3cm và 3 x 0,2cm; Vết thương nông gồ phải kích thước 1,5 x 0,5cm và 1,5 x 0,3cm. Kết luận thương tích chung của ông Trần Văn H là 19%.

Tại bản kết luận giám định pháp y số 133/2020/TgT ngày 29/10/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Vĩnh Long, xác định: Vết thương chằm phải kích thước 2 x 0,2cm; Vết thương nông sau vai trái 4x 1cm; Vết thương nông vùng lưng trái 3x 1cm và 1,5 x 0,5cm; Chấn thương phần mềm cánh tay phải 7 x 3cm; Vết thương ngón 2 bàn tay trái 2 x 0,2cm. Kết luận thương tích chung của Bùi Thế D là 06%.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm ông H đã thừa nhận có xô xát đánh nhau với bị cáo D trong lúc chống trả và ông H chỉ đánh bằng tay, chân, không có sử dụng hung khí, hay công cụ nguy hiểm, gây ra như thế nào thì không xác định được. Bị cáo D khai bị ông H đánh bằng cái lưỡi hái. Tuy nhiên, kết quả thực nghiệm điều tra cho thấy tình tiết ông H dùng lưỡi hái gây thương tích cho bị cáo D như trình bày, diễn tả là không có khả năng xảy ra, không phù hợp các tình tiết khách quan vụ án, diễn biến sự việc, không phù hợp với hiện trường và vật chứng vụ án đã thu giữ. Sau khi thực nghiệm có thay đổi lời khai, khẳng định vật ông H dùng gây thương tích cho bị cáo D là lưỡi hái; Tuy nhiên bị cáo D không xác định được là vật gì vì lúc đó say rượu. Mặt khác; tại hiện trường lúc xảy ra vụ án hoàn toàn không có lưỡi hái hay hung khí nào khác ngoài con dao mà bị cáo D đã sử dụng. Do đó, không có cơ sở xác định ông H dùng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho bị cáo, hơn nữa ông H gây thương tích cho bị cáo D chỉ 06% không đủ cơ sở truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông H

Tại bản án sơ thẩm số: 57/2021/HSST ngày 19/11/2021 của Tòa án nhân dân thị xã B đã quyết định tuyên bố bị cáo Bùi Thế D phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 38; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; 54 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Thế D 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 590, 592 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo Bùi Thế D bồi thường ông H, bà A (vợ ông H) các khoản như sau:

+ Tiền viện phí, tiền thuốc điều trị theo toa: 4.361.104đ.

+ Tiền mất ngày công lao động: 150.000đ x 09 ngày x 2 người = 2.7000.000đ.

+ Tiền ăn của người bệnh: 150.000đ x 09 ngày x 2 người = 2.700.000đ.

+ Tiền tổn thất tinh thần là: 10 tháng x 1.490.000đồng = 14.900.000đồng.

Cộng chung của ông H, bà A là: 24.661.000đồng (hai mươi bốn triệu sáu trăm sáu mươi một ngàn đồng). Được trừ vào số tiền: 7.000.000đồng (bảy triệu đồng) mà bị cáo D đã nộp khắc phục hậu quả theo biên lai thu số 005007, ngày 18/8/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã B.

Buộc bị cáo D có nghĩa vụ bồi thường tiếp cho ông H, bà A số tiền là: 17.661.000đồng (mười bảy triệu sáu trăm sáu mươi một ngàn đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 22/11/2021, bị hại Trần Văn H có đơn kháng cáo với nội dung:

- Yêu cầu tăng mức hình phạt đối với bị cáo Bùi Thế D với mức án nghiêm khắc nhất trong khung hình phạt.

- Yêu cầu bị cáo D phải bồi thường cho ông tổn thất về tinh thần 40 lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo D thừa nhận hành vi phạm tội đúng như bản án sơ thẩm đã xét xử. Do lúc xảy ra xô sát với bị hại H bị cáo say rượu nên không xác định được ông H gây thương tích cho bị cáo bằng hung khí gì, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo có nộp số tiền 5.000.000 đồng để khắc phục hậu quả cho bị hại. Bị cáo không đồng ý bồi thường về tổn thất tinh thần theo yêu cầu của bị hại, bị cáo xin Hội đồng xét xử giữ y án sơ thẩm.

Bị hại Trần Văn H trình bày: Ông giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Kiểm sát viên nêu quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi phân tích hành vi phạm tội, nguyên nhân, hậu quả mà bị cáo đã gây ra; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại, sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo. Đề nghị áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 38; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; 54 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Thế D mức án từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù. Không chấp nhận kháng cáo của bị hại yêu cầu tăng mức bồi thường thiệt hại. Bị cáo D không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo phát biểu: Đề nghị Hội đồng xét xử giữ y án sơ thẩm vì sau khi xét xử sơ thẩm mặc dù gia đình bị cáo gặp khó khăn nhưng bị cáo có nộp thêm số tiền 5.000.000 đồng để khắc phục hậu quả cho phía bị hại, hiện tại bị cáo là lao động chính trong gia đình còn phải nuôi hai con nhỏ.

Lời nói cuối cùng của các bị cáo: Bị cáo có lời xin lỗi người bị hại, xin Hội đồng xét xử y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Đơn kháng cáo của bị hại Trần Văn H đảm bảo hình thức và thời hạn, đủ điều kiện để xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại Trần Văn H giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Trên cơ sở từ lời khai của bị cáo và bị hại tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay phù hợp với lời khai tại Cơ quan Điều tra, lời khai của người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để xác định: khoảng 14 giờ, ngày 21/9/2020 sau khi uống rượu bị cáo gặp ông Trần Văn H trên đường dal liên xã Đ1– Đ (thuộc ấp Đ, xã Đ1, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long), do nhớ lại mâu thuẫn trước đây giữa bị cáo và ông H nên bị cáo chạy theo ông H, dùng tay đánh vào đầu ông H làm cho ông H té ngã xuống đường, hai bên xô xát nhau. Sau đó bị cáo D nhặt được con dao trên đường dal, bị cáo chém 02 cái vào mũi và tay của ông H. Ông H bỏ chạy thì bị cáo tiếp tục cầm dao đuổi theo đến khi có người can ngăn bị cáo mới dừng lại, ném con dao về phía ông H nhưng không trúng. Ông H lấy được một khúc gỗ cầm trên tay thì bị cáo mới bỏ đi. Tỷ lệ tổn thương cơ thể của bị hại Trần Văn H là 19%.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm hại đến sức khỏe của người bị hại được pháp luật bảo vệ mà còn làm mất an ninh trật tự tại địa phương, gây sự hoang mang trong nội bộ nhân dân. Hành vi của bị cáo thể hiện sự xem thường sức khỏe của người khác. Mặc dù bị hại có gây ra thương tích cho bị cáo với tỷ lệ 06%, tuy nhiên việc bị hại chống trả gây thương tích cho bị cáo là phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh khách quan của sự việc và bị hại H cũng không có sử dụng hung khí gì để gây thương tích cho bị cáo. Về phần bị cáo, khi bị hại đã bỏ chạy và truy hô nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, đối với bị cáo cần phải xử lý nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm về hành vi của bị cáo, nhằm giáo dục riêng bị cáo trở thành công dân hữu ích và phòng ngừa chung trong xã hội.

Xét mức án mà cấp sơ thẩm tuyên phạt đối với bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo có nộp thêm số tiền 5.000.000 đồng để khắc phục hậu quả cho bị hại, mặc dù tình tiết này đã được cấp sơ thẩm áp dụng nhưng cho thấy bị cáo thật sự ăn năn hối cải. Do đó xét kháng cáo đề nghị tăng hình phạt của bị hại Trần Văn H là không có căn cứ để chấp nhận.

Đối với kháng cáo của bị hại về việc đề nghị tăng mức bồi thường tổn thất tinh thần bằng 40 lần tháng lương cơ sở là chưa có căn cứ để chấp nhận. Mặc dù phía bị hại có bị ảnh hưởng về mặt tinh thần nhưng chưa đến mức mất mát về tinh cảm, yêu cầu này của bị hại cấp sơ thẩm có xem xét chấp nhận mức bồi thường

bằng 10 tháng lương cơ sở là hợp lý, tương xứng với mức độ thiệt hại mà bị cáo gây ra.

[4] Xét án sơ thẩm có quyết định buộc bị cáo bồi thường thiệt hại cho bị hại về trách nhiệm dân sự nhưng không quyết định trách nhiệm phải chịu lãi suất do chậm thi hành án là thiếu sót và cách tính tiền án phí dân sự sơ thẩm buộc bị cáo phải nộp là không chính xác cần rút kinh nghiệm.

Đối với số tiền 5.000.000 đồng bị cáo đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B theo lai số 0005571 ngày 01/4/2022 sẽ được khấu trừ vào số tiền mà bị cáo có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho phía bị hại, số tiền còn lại là 12.661.000 đồng buộc bị cáo bồi thường tiếp cho phía bị hại Trần Văn H và bà A (vợ ông H).

[5] Xét đề nghị của kiểm sát viên đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại là chưa đủ cơ sở như đã nhận định trên.

[6] Xét lời trình bày của luật sư bào chữa cho bị cáo là có căn cứ để chấp nhận.

[7] Về án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Do số tiền bị cáo còn phải bồi thường thiệt hại cho phía bị hại 12.661.000 đồng nên bị cáo phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 633.000 đồng.

[8] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Trần Văn H. Giữ y Bản án sơ thẩm số: 57/2021/HSST ngày 19/11/2021 của Tòa án nhân dân thị xã B.

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 38; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Bùi Thế D 09 (chín) tháng tù** về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo Bùi Thế D bồi thường tiếp cho ông Trần Văn H và bà A (vợ ông H) số tiền là: 12.661.000 đồng (*mười hai triệu sáu trăm sáu mươi một ngàn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu người phải thi hành chưa thi hành số tiền trên thì phải chịu lãi suất theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Bùi Thế D phải nộp 633.000 đồng (*sáu trăm ba mươi ba nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Bùi Thế D không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC: 01;
- TANDCC: 01;
- VKSTC: 01;
- VKSNDCC: 01;
- VKSND TVL: 01;
- TAND + VKSND TXBM: 02;
- CQTHADS TXBM : 01;
- CQTHAHS TXBM : 01;
- Trại giam: 01; BC: 01;
- P.HỒ SƠ-CAVL: 01
- STP: 01,
- UBND xã T1: 01;
- TNV+P KTNV: 02
- Lưu: 04 .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lâm Văn Năm